



huì àn

晦暗

adjective · dark and gloomy

Example Sentences

tiān sè huì àn

天色晦暗。

The sky is dark and gloomy.

fáng jiān lǐ guāng xiàn huì àn kàn bù qīng dōng xī
房间里光线晦暗，看不清东西。

The room was dark and gloomy, making it hard to see things.

tā de xīn qíng xiàng yīn tiān yī yàng huì àn
他的心情像阴天一样晦暗。

His mood was as dark and gloomy as an overcast day.

Trace each character, then write the word on your own.

晦	晦	晦	晦	晦	晦	晦	晦	晦	晦	晦
晦	晦	晦								

暗	暗	暗	暗	暗	暗	暗	暗	暗	暗	暗
暗	暗	暗	暗	暗						